

CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT, KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐẠI HỌC HUẾ ĐÁP ỨNG NHU CẦU VỀ CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC CỦA CÁC TỈNH KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

TS. Lê Quang Dũng, TS. Lê Cát Nguyên, ThS. Dương Anh Tuấn

Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao (TDTT) thường quy, đề tài đã tiến hành khảo sát nhu cầu và đề xuất cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục thể chất (GDTC) của Khoa GDTC - Đại học Huế đáp ứng nhu cầu về công tác GDTC và thể thao trường học của các tỉnh Bắc Trung bộ Việt Nam.

Từ khóa: Cải tiến; chương trình đào tạo; ngành GDTC; nhu cầu; Bắc Trung bộ.

Abstract: By using regularly research methods in sport science, this topic conducted a survey of demand and proposed improvements to the training program of school of Physical Education - Hue University to response the demand of physical education and sports school in the North Central provinces, Vietnam.

Keywords: Improvement; Training program; Physical education sector; Demand; North central region.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Để cải tiến CTĐT, cần thực hiện nhiều công việc như đánh giá chương trình, đối sánh chương trình hiện hành với các CTĐT trong và ngoài nước, đánh giá mức độ đáp ứng của cựu sinh viên với yêu cầu về năng lực chuyên môn và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, khảo sát nhu cầu của các địa phương sử dụng lao động... Trong đó, việc nắm bắt nhu cầu của các địa phương nơi sinh viên ra trường sẽ trực tiếp làm việc là một việc làm hết sức cần thiết để kịp thời điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong nghiên cứu này, bài viết tập trung trình bày vấn đề cải tiến CTĐT ngành GDTC của Khoa GDTC - Đại học Huế ứng nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ về công tác GDTC và thể thao trường học.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, bài viết đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương

pháp chuyên gia và Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học

1.1. Nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học

Bài viết đã tiến hành nghiên cứu các văn bản về quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh và Thanh Hóa [2], [5], [6], [7], [8], [9] đến năm 2015, định hướng đến 2020 và tầm nhìn đến 2030. Qua nghiên cứu, bài viết nhận thấy nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ về công tác GDTC và thể thao trường học như sau:

- Thực hiện phát triển TDTT trường học từ tiểu học đến trung học phổ thông (THPT) theo nội dung “Đề án tổng thể phát triển thể lực, người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030”.

- Xây dựng các câu lạc bộ TDTT trường học; học sinh dành thời gian từ 2 - 3 giờ/tuần để

tham gia hoạt động thể thao ngoại khóa trong các câu lạc bộ, các lớp năng khiếu thể thao.

- Phát triển hệ thống thi đấu TDTT giải trí thích hợp với từng cấp học, từng vùng, địa phương [5], [6], [7], [8].

- Phổ cập dạy và học bơi đối với học sinh hệ phổ thông và mầm non; đảm bảo 100% trường THPT đưa môn bơi vào chương trình ngoại khóa [5], [6], [7], [8].

- Phát triển một số môn thể thao trọng điểm gồm: Điền kinh (6/6 tỉnh lựa chọn), Bơi (5/6

tỉnh lựa chọn, trừ Hà Tĩnh), Võ thuật ((5/6 tỉnh lựa chọn, trừ Quảng Bình).

1.2. Nhu cầu của học sinh trung học phổ thông tại các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học

1.2.1. Nhu cầu tập luyện các môn thể thao

Kết quả phỏng vấn về nhu cầu tập luyện các môn thể thao của học sinh các tỉnh Bắc Trung bộ được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Các môn thể thao học sinh các tỉnh Bắc Trung bộ yêu thích (n = 2.730)

TT	Nội dung	Chọn		Không chọn		χ^2	TT	Nội dung	Chọn		Không chọn		χ^2
		n	%	n	%				n	%	n	%	
1	Điền kinh	1587	58,13	1143	41,87	72,2	8	Đá cầu	2148	78,68	582	21,32	898
2	Bóng chuyên	2105	77,11	625	22,89	802	9	Bóng rổ	2018	73,92	712	26,08	625
3	Bóng bàn	1420	52,01	1310	47,99	4,43	10	Thể dục nhịp điệu	1854	67,91	876	32,09	350
4	Cầu lông	2389	87,51	341	12,49	1536	11	Bóng ném	1665	60,99	1065	39,01	132
5	Võ thuật	2416	88,5	314	11,50	1618	12	Trò chơi vận động	2448	89,67	282	10,33	1719
6	Bóng đá	2632	96,41	98	3,59	2352	13	Trò chơi dân gian	2147	78,64	583	21,36	896
7	Bơi lội	2687	98,42	43	1,58	2561	14	Thể hình	917	33,59	1813	66,41	294

Qua Bảng 2 cho thấy có 9 môn thể thao mà học sinh yêu thích (chiếm trên 70%): Bóng chuyên, Cầu lông, Võ thuật, Bóng đá, Bơi lội, Đá cầu, Bóng rổ, Trò chơi vận động và Trò chơi dân gian. Số người chọn so với không chọn ở những môn kể trên có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$).

1.2.2. Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ

Kết quả khảo sát về thực trạng và nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng và nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ (n = 2.730)

TT	Nội dung	Chọn		Không chọn	
		n	%	n	%
1.	Số buổi tập ngoại khóa trung bình trong một tuần là?				
1.1	Không tập buổi nào	1452	53,18	1278	46,81
1.2	Một buổi/1 tuần	795	62,2	482	37,8
1.3	Hai buổi/1 tuần	369	28,9	909	71,1
1.4	Trên hai buổi/1 tuần	114	8,9	1164	91,1
2.	Bạn có thích tập ngoại khóa không?	2651	97,1	79	2,89

Qua Bảng 3 bài viết có nhận xét như sau:

- Có 53,18% số học sinh chưa tham gia tập luyện TDTT ngoại khóa. Còn lại có 46,81% học sinh đã có tập luyện ngoại khóa, trong đó số học sinh tham gia tập 1 tuần 1 buổi chiếm 62,2%, tập 2 buổi 1 tuần có 28,9%, tập 1 tuần 2 buổi trở lên có 8,9%.

- Hầu hết các em được hỏi đều thích tập luyện ngoại khóa (chiếm 97,1%), nhưng trong thực tế có đến 53,18% vẫn chưa tham gia tập luyện.

1.3. Khảo sát ý kiến của các cựu sinh viên về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của CTĐT cử nhân ngành GDTC hiện hành

Để khảo sát mức độ đáp ứng của CTĐT hiện hành với yêu cầu công việc tại các trường THPT, đề tài tiến hành phỏng vấn 2 nhóm đối tượng là cựu sinh viên đang công tác tại các trường THPT và sinh viên năm cuối vừa hoàn thành thực tập sư phạm tại các trường THPT. Theo yêu cầu công việc trong thực tế, 2 nhóm đối tượng có một số đề xuất sau:

- Có 2 nội dung được cả 2 đối tượng thống nhất đề xuất thêm vào CTĐT đó là môn Huấn luyện thể thao và yêu cầu đẳng cấp trong quá trình đào tạo. Tỷ lệ đề xuất của 2 đối tượng lần lượt là 72,22% và 84,38%, đánh giá của 2 đối tượng có tính tương đồng ($p < 0,05$).

- Có 3 môn được 2 nhóm đề xuất cần thêm thời lượng: Bơi lội, Nghiên cứu khoa học và Thực tập thực tế, với tỷ lệ đề xuất từ 72,22%

đến 84,38%, ý kiến của 2 nhóm là tương đồng ($p > 0,05$).

- Có 1 môn học cả 2 nhóm đề xuất cắt giảm trong CTĐT là môn Phương tiện kỹ thuật và đồ dùng dạy học, có tỷ lệ đề xuất của 2 nhóm lần lượt là 77,78% và 75%, ý kiến của 2 nhóm là tương đồng ($p > 0,05$).

Những ý kiến đề xuất cải tiến của cựu sinh viên và sinh viên năm cuối về việc bổ sung môn học hoặc giảm thời lượng ở một số môn học nếu so với ý kiến không đề xuất là có ý nghĩa thống kê (χ^2 tính $> 7,0$ với $p < 0,01$).

Những môn còn lại tuy có đề xuất cải tiến nhưng tỷ lệ khá thấp ($< 70\%$) ở cả 2 đối tượng ($p > 0,05$).

Tóm lại qua nghiên cứu các vấn đề trên, đề tài rút ra những kết luận sau:

- Cần bổ sung vào CTĐT 2 nội dung đó là môn Huấn luyện thể thao và có đẳng cấp thể thao trong quá trình đào tạo.

- Tăng thời lượng trong CTĐT ở 3 môn: Bơi lội, Nghiên cứu Khoa học và Thực tập thực tế. Giảm bớt thời lượng ở môn Phương tiện kỹ thuật và đồ dùng dạy học. Học sinh có nhu cầu tập luyện cao ở 9 môn TDTT gồm: Bóng chuyền, Cầu lông, Võ thuật, Bóng đá, Bơi lội, Đá cầu, Bóng rổ, Trò chơi vận động và Trò chơi dân gian (73,92% đến 98,42%).

- Các em học sinh có nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cao (97,1%) nhưng trong thực tế chỉ có 46,81% học sinh là có tham gia tập

luyện ngoại khóa (trong đó số học sinh tham gia tập 1 tuần 1 buổi chiếm đến 62,2%).

2. Cải tiến chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC đáp ứng nhu cầu phát triển TDTT trường học của các trường trung học phổ thông ở các tỉnh Bắc Trung bộ

2.1. Định hướng cải tiến chương trình

Để tiến hành cải tiến CTĐT cử nhân ngành GDTC, bài viết nghiên cứu về định hướng của Đảng, Nhà nước về đổi mới công tác giáo dục đào tạo. Bên cạnh đó, bài viết còn nghiên cứu các tài liệu của một số nước tiên tiến trên thế giới. Ngoài ra, để làm rõ hơn định hướng cải tiến CTĐT cử nhân ngành GDTC, bài viết đi sâu nghiên cứu bối cảnh thực tiễn mà một trong những nhu cầu quan trọng nhất của các trường THPT hiện nay là đổi mới giáo dục theo Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2.2. Nguyên tắc cải tiến chương trình

Qua nghiên cứu các công trình khoa học của các tác giả trong và ngoài nước về cải tiến chương trình đào tạo, bài viết đề xuất các nguyên tắc khi cải tiến CTĐT như sau: Đảm bảo đúng mục tiêu đào tạo; Đảm bảo phân định đúng trình độ văn bằng, cấu trúc và khối lượng kiến thức theo bậc học; Đảm bảo có sự phân định nội dung theo các khối kiến thức và trình độ kiến thức; Đảm bảo có sự phân định theo năng lực nhận thức, năng lực tư duy và năng lực vận hành (kỹ năng, kỹ xảo); Đảm bảo chất lượng đào tạo; Đảm bảo hiệu quả và hiệu suất đào tạo; Đảm bảo tính sư phạm của chương trình đào tạo.

2.3. Căn cứ cải tiến chương trình

Căn cứ các văn bản của Đảng, nhà nước gồm: Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Bộ Chính trị “Về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo”; Thông tư

của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ; Nghị định Số: 11/2015/NĐ-CP, ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ quy định “về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường”...

Căn cứ kết quả đánh giá CTĐT cử nhân ngành GDTC-ĐHH theo Bộ tiêu chuẩn AUN gồm 15 tiêu chuẩn và 68 tiêu chí; Căn cứ kết quả đánh giá của các bên liên quan (SV ra trường làm việc tại các trường THPT, cán bộ quản lý tại các trường THPT, SV năm cuối, các giảng viên và các nhà quản lý tại Khoa GDTC-ĐHH) về mức độ đáp ứng với nhu cầu thực tiễn công tác TDTT trường học tại các trường THPT của các tỉnh Bắc Trung bộ.

So sánh CTĐT hiện hành (theo niên chế, ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Khoa GDTC - Đại học Huế) với những CTĐT tiên tiến liên quan.

Xác định nhu cầu của các bên liên quan (học sinh, giáo viên, các nhà quản lý, nhu cầu địa phương...) về công tác thể thao trường học của các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ.

2.4. Dự thảo chương trình

Sau quá trình nghiên cứu, đề tài đã tiến hành cải tiến CTĐT ngành GDTC như sau:

2.4.1. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- 134 tín chỉ chưa kể nội dung về Giáo dục Quốc phòng (165 tiết).

- Thời gian đào tạo: 4 năm.

2.4.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo (134 tín chỉ)

1. Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa kể phần nội dung về Giáo dục Quốc phòng)	41
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
- Kiến thức cơ sở ngành	34
- Kiến thức ngành	44

- Thực tập và thực tế sư phạm	10
- Khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	5

*** Kiến thức giáo dục đại cương****41 tín chỉ**

Lý luận chính trị			Khoa học xã hội		
		10			13
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	8	Tâm lý học	3
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	9	Giáo dục học	3
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	10	Quản lý hành chính Nhà nước, Quản lý ngành Giáo dục và TDTT	3
4. Ngoại ngữ cơ bản		8	11	Pháp luật đại cương và luật TDTT	2
4.1	Ngoại ngữ 1	2	12	HP tự chọn (chọn 2 TC trong 8 TC)	2/8
4.2	Ngoại ngữ 2	2	12.1	Môi trường và con người	2
4.3	Ngoại ngữ 3	2	12.2	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2
4.4	Ngoại ngữ 4	2	12.3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
Khoa học tự nhiên		10	12.4	Địa phương học	2
5	Tin học và xác suất, thống kê	3	13. Giáo dục Quốc phòng (Không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học)		165 tiết
6	Tin học và đo lường	3			
7	Phương pháp NCKH	3			

*** Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp****93 tín chỉ**

a. Kiến thức cơ sở ngành:		34	36	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Võ thuật	2
a1. Kiến thức cơ sở ngành GDTC		24	37	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bơi Lội	3
14	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	5	38	Lý luận, kỹ năng và PPGD Trò chơi vận động	2
15	Lý luận và phương pháp TDTT trường học	2	39	Lý luận, kỹ năng và PPGD Trò chơi dân gian	2
16	Tuyển chọn và huấn luyện thể thao	3	40,4 1,42	HP tự chọn bổ trợ ngành (chọn 9 TC trong 54 TC)	9/54
17	Tâm lý và giáo dục trong TDTT	2	1	Huấn luyện Điền kinh	3
18	Giải phẫu	2	2	Thể dục đồng diễn	3
19	Sinh lý học TDTT	5	3	Huấn luyện Bóng đá	3
20	Vệ sinh và Y học TDTT	3	4	Huấn luyện Bóng chuyền	3
21	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	5	Huấn luyện Bóng bàn	3
23, 24	Học phần tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong 16 tín chỉ)	4/ 16	6	Huấn luyện Cầu lông	3

1	Sinh cơ TDTT	2	7	Huấn luyện Bóng rổ	3
2	Sinh hóa TDTT	2	8	Huấn luyện Bóng ném	3
3	Doping trong TDTT	2	9	Huấn luyện Đá cầu	3
4	Hồi phục và Dinh dưỡng trong TDTT	2	10	Huấn luyện Bơi lội	3
5	Lịch sử TDTT	2	11	Huấn luyện Võ thuật	3
6	Kinh tế TDTT	2	12	Huấn luyện Quần vợt	3
7	Xã hội hóa TDTT	2	13	Thể thao giải trí	3
8	Xoa bóp và thể dục chữa bệnh	2	14	Khiêu vũ thể thao	3
a2. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		6	15	Công tác Đoàn, Đội và Hội	3
25	Giao tiếp sư phạm	2	16	Thuật dưỡng sinh	3
26	Rèn luyện nghiệp vụ GDTC	2	17	Cờ vua	3
27	Đánh giá trong giáo dục thể chất	2	18	Kỹ năng sống	3
b. Kiến thức ngành:		44	c. Thực tập và thực tế sư phạm:		10
28	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Điền kinh	5	43	Thực tập sư phạm	6
29	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Thể dục	4	44	Thực tế tại các trường hoặc các câu lạc bộ TDTT	4
30	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bóng đá	3	d. Khoa luận tốt nghiệp hoặc thi các học phần thay thế (44)		5
31	Lý luận, kỹ năng và phương pháp GD Bóng chuyền	3	1	Khóa luận tốt nghiệp	5
32	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bóng bàn	2	2	Thi các học phần thay thế	5
33	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Cầu lông	3	2.1	Chuyên đề Lí luận TDTT	3
34	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Đá cầu	3	2.2	Chuyên đề Sinh lý TDTT	2
35	Lý luận, kỹ năng và phương pháp giảng dạy Bóng rổ	3			

3. Kết quả đánh giá thẩm định CTĐT ngành GDTC

Để thẩm định CTĐT cử nhân ngành GDTC, bài viết tiến hành lấy ý kiến nhận xét của 05

chuyên gia, 25 nhà quản lý và giảng viên có kiến thức và kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy ngành GDTC của Khoa GDTC. Kết quả được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Kết quả đánh giá thẩm định CTĐT cử nhân cải tiến ngành GDTC (n = 30)

TT	Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tổng điểm	Điểm trung bình/Điểm tối đa	Tỷ lệ %	So sánh	
					t	p
I	Tiêu chuẩn Mục tiêu của CT	633	21,1/24	88,0	21,6	<0,001
1	Mục tiêu về kiến thức	156	5,2/6	86,6		
2	Mục tiêu về kỹ năng	159	5,3/6	88,3		
3	Mục tiêu về thái độ	165	5,5/6	91,6		
4	Mục tiêu về khả năng làm việc	153	5,1/6	85		
II	Tiêu chuẩn Nội dung của CT	1257	41,9/52	81,7	23,00	<0,001
1	Đảm bảo tính khoa học và hệ thống	168	5,6/8	70		
2	Đảm bảo tính cập nhật	150	5/8	62,5	3,69	<0,001
3	Đảm bảo tính thực tiễn	147	4,9/6	81,6		
4	Đảm bảo tính mềm dẻo và tính mở	165	5,5/6	91,6		
5	Đảm bảo tính khả thi	156	5,2/6	86,6		
6	Đảm bảo tính tích hợp	144	4,8/6	80	7,7	<0,001
7	Đảm bảo tính kế thừa	165	5,5/6	91,6		
8	Đảm bảo tính liên thông	162	5,4/6	90		
III	Tiêu chuẩn Thời lượng của CT	321	10,7/12	89,1	14,71	<0,001
1	Đảm bảo tính cân đối và hợp lý	165	5,5/6	91,6		
2	Đảm bảo hiệu quả	156	5,2/6	86,6		
IV	Tiêu chuẩn Các điều kiện thực hiện CT	327	10,9/12	90,8	14,54	<0,001
1	Giảng viên, cán bộ quản lý, kỹ thuật viên và nhân viên thực hiện CT	165	5,5/6	91,6		
2	CSVC và các trang thiết bị phục vụ CT	162	5,4/6	90		
	Tổng	2538	84,6/100	87,4	11,93	<0,001

Qua Bảng 4 cho thấy tiêu chuẩn được đánh giá thấp nhất theo tỉ lệ so với điểm tối đa là nội dung chương trình (81,7%) và tiêu chuẩn được đánh giá cao nhất là các điều kiện thực hiện chương trình (90,8%). Còn tiêu chí được đánh giá thấp nhất theo điểm là tiêu chí đảm bảo tính tích hợp (4,8 điểm) và điểm đánh giá cao nhất là tiêu chí đảm bảo tính khoa học và hệ thống (5,6 điểm). Nhưng theo tỉ lệ, tiêu chí được đánh giá thấp nhất là tiêu chí đảm bảo tính tích hợp (62,5% so với điểm tối đa) và 4 tiêu chí được đánh giá cao nhất (91,6%) là mục tiêu thái độ, đảm bảo tính mềm dẻo và tính mở, đảm bảo tính kế thừa và đảm bảo tính cân đối, hợp lý. Tổng điểm đánh giá CTĐT được các chuyên

gia và nhà chuyên môn thẩm định là 87,4 điểm. So sánh giữa tỷ lệ được điểm và mất điểm thông qua đánh giá của các chuyên gia và các nhà chuyên môn là có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$).

Đi sâu phân tích ý kiến của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với từng tiêu chuẩn cho thấy tiêu chuẩn 4 “Các điều kiện thực hiện chương trình” được đánh giá cao hơn cả với số điểm bình quân là 5,45, chiếm đến 90,8% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn. Sau đó là tiêu chuẩn 3 “Thời lượng của chương trình” tương ứng với điểm trung bình là 5,35 và có tỷ lệ là 89,1% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn này. Tiếp đến là tiêu chuẩn 1 “Mục tiêu

chương trình” tương ứng với điểm trung bình là 5,28 và có tỷ lệ là 88% so với tổng điểm tối đa của tiêu chuẩn này. Điểm đạt thấp nhất là tiêu chuẩn 2 “Nội dung CT” có số điểm tương ứng trung bình là 5,24 tương ứng với 81,7% so với tổng điểm tối đa. So sánh tỷ lệ giữa điểm đạt được với số điểm bị mất đi trong thẩm định của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với 4 tiêu chuẩn có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$).

Xem xét theo từng tiêu chí cũng có thể nhận thấy, các chuyên gia và các nhà chuyên môn cho điểm có tỷ lệ thấp nhất là ở tiêu chí “Đảm bảo tính khoa học và hệ thống” với 70% điểm tối đa và tiêu chí “Đảm bảo tính cập nhật” có tỷ lệ đánh giá là 62,5%. Như vậy, trong 2 tiêu chí này một tiêu chí xếp loại khá và một tiêu chí xếp loại đạt. Tiếp theo so với điểm tối đa là ở tiêu chí “Đảm bảo tính tích hợp” (4,8 điểm) và “Đảm bảo tính thực tiễn” (4,9 điểm), nhưng cũng được các chuyên gia và các nhà chuyên môn đánh giá cao, với tỷ lệ tương ứng so với tổng điểm tối đa là 80% và 81,6%. So sánh giữa tỷ lệ điểm thu được và điểm mất đi trong đánh giá thẩm định của các chuyên gia và các nhà chuyên môn đối với từng tiêu chí là có sự khác biệt đáng kể ($p < 0,001$).

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu trên đề tài rút ra những kết luận sau:

1. Về nhu cầu của các tỉnh Bắc Trung bộ đối với công tác GDTC và thể thao trường học.

- 3 môn Võ thuật, Điền kinh, Bơi lội là các môn thể thao được các tỉnh Bắc Trung bộ tập

trung phát triển, trong đó môn bơi lội được ưu tiên phát triển cả 2 mặt là phổ cập bơi lội và thể thao thành tích cao.

- Học sinh THPT các tỉnh Bắc Trung bộ có nhu cầu tập luyện cao ở 9 môn TDTT gồm: Bóng chuyền, Cầu lông, Võ thuật, Bóng đá, Bơi lội, Đá cầu, Bóng rổ, Trò chơi vận động và Trò chơi dân gian (73,92% đến 98,42%).

- Các em học sinh có nhu cầu tập luyện thể thao ngoại khóa cao (97,1%) nhưng trong thực tế chỉ có 46,81% học sinh là có tham gia tập luyện ngoại khóa (trong đó số học sinh tham gia tập 1 tuần 1 buổi chiếm đến 62,2%)

2. Theo ý kiến của cựu sinh viên đang là giáo viên tại các trường THPT và sinh viên năm cuối vừa hoàn thành thực tập sư phạm về việc điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn công tác, cần bổ sung vào CTĐT 2 nội dung đó là môn Huấn luyện thể thao và có đẳng cấp thể thao trong quá trình đào tạo. Tăng thời lượng 3 môn trong CTĐT gồm: Bơi Lội, Nghiên cứu Khoa học và Thực tập thực tế; đồng thời giảm bớt thời lượng ở môn Phương tiện kỹ thuật và đồ dùng dạy học.

3. Bài viết đã xây dựng được CTĐT cử nhân cải tiến ngành GDTC đáp ứng nhu cầu thực tiễn về công tác GDTC và thể thao trường học của các trường THPT ở các tỉnh Bắc Trung bộ. CTĐT cải tiến đã được các chuyên gia và các nhà chuyên môn đánh giá ở mức tốt (84,6 điểm), có thể đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thị Hoài (2009), *Nghiên cứu đánh giá thẩm định chương trình giáo dục đại học*, Luận án Tiến sĩ quản lý giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2]. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (2013), *Nghị quyết Tăng cường xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020*, Nghị quyết Số 55/2013/NQ-HĐND, Hà Tĩnh.
- [3]. Lê Đức Ngọc (2000), *Xây dựng chương trình giảng dạy*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4]. Perter F. Oliva (2006), *Xây dựng chương trình học* (Bản dịch), Nxb. Giáo dục.
- [5]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Trị (2009), *Quyết định số: 05/2009/QĐ-UBND V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020*.

-
- [6]. Ủy ban nhân dân Thanh Hóa (2011), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp TDTT tỉnh Thanh Hóa đến 2020*, Quyết định số 3916/QĐ-UBND, Thanh Hóa.
- [7]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An (2013), *Quyết định số 2627/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013-2020*.
- [8]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Bình (2013), *Quyết định số 714/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2013-2020*.
- [9]. Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế (2015), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020*, Quyết định số 1355/QĐ-UBND, Thừa Thiên Huế.
- [10]. Jon Wiles (2002), *Xây dựng chương trình hướng dẫn thực hành*, Nxb Giáo dục, Bản dịch.